

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 12 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch chiến lược kết thúc Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Tuyên Quang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số 826-VN giữa Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quỹ Phát triển nông nghiệp quốc tế ký ngày 25/02/2011;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 03/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 62 /QĐ-UBND ngày 05/3/2016 về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Điều phối Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh tại Tờ trình số 19/TTr-PPCU ngày 07/12/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược kết thúc Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Tuyên Quang,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chiến lược kết thúc Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2.** Giao Ban Điều phối Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh thường xuyên triển khai, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nội dung theo như Kế hoạch được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo hiệu quả theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Giám đốc Ban Điều phối Dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng IFAD tại Việt Nam; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ Dự án;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT-NgV (HP. 30).

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thực



## KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC KẾT THÚC DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN VÀ NÔNG THÔN TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1772/QĐ-UBND ngày 20/12/2016  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

### I. Thông tin chung về dự án

#### 1. Tên dự án

Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Tuyên Quang (TNSP).

#### 2. Cơ quan chỉ đạo và thực hiện

Cơ quan chủ quản Dự án: Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Tuyên Quang

Cơ quan thực hiện Dự án: Ban điều phối Dự án tỉnh Tuyên Quang.

#### 3. Ngày bắt đầu và ngày kết thúc Dự án TNSP tỉnh Tuyên Quang

Ngày hiệu lực: ngày 25 tháng 02 năm 2011 đến 30 tháng 9 năm 2017.

Ngày khởi động: 24 tháng 04 năm 2011.

Ngày kết thúc Dự án: 31 tháng 3 năm 2017.

Ngày đóng tài khoản: 30 tháng 9 năm 2017.

#### 4. Mục tiêu của Dự án

Mục tiêu tổng thể của dự án: nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đặc biệt tại các khu vực khó khăn nhất của tỉnh Tuyên Quang.

Mục tiêu phát triển của dự án: khuyến khích sự tham gia của các hộ nghèo và hộ dân tộc thiểu số tại 64 xã nghèo thuộc 6 huyện của tỉnh vào các hoạt động kinh tế sinh lời bền vững.

#### Các mục tiêu cụ thể của dự án:

- Cải cách hành chính công và xây dựng năng lực tại cơ sở nhằm xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng thị trường, có sự tham gia.

- Thúc đẩy hợp tác công - tư trong cung cấp các dịch vụ và sự tham gia của khu vực tư vào quá trình ra quyết định đối với các nguồn lực.

- Tăng cường hợp tác giữa các bên tham gia và lồng ghép các nguồn lực.

- Nâng cấp, sửa chữa và làm mới các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn nhằm đáp ứng hoạt động sản xuất và phát triển thị trường tại các xã, thôn bản.

- Tăng thu nhập bền vững cho người nghèo và cận nghèo thông qua tăng cường lựa chọn và tham gia vào các cơ hội thị trường mang lại lợi nhuận với vai trò là nhà sản xuất, người lao động hoặc các doanh nghiệp.

- Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nông thôn hàng năm dựa trên nhu cầu, vì người nghèo, theo định hướng thị trường một cách hiệu quả, đồng thời được lồng ghép vào quy trình lập kế hoạch tổng thể của chính quyền địa phương.

**5. Các hợp phần:** Dự án TNSP tỉnh Tuyên Quang gồm 3 hợp phần chính và 11 tiểu hợp phần, cụ thể:

➤ *Hợp phần 1: Tăng cường năng lực thể chế để thực hiện Nghị quyết Tam Nông.* Gồm 4 tiểu hợp phần: (i) Xây dựng năng lực quản lý kinh tế theo định hướng thị trường; (ii) Thể chế hoá quy trình lập và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có sự tham gia, dựa trên kết quả, theo định hướng thị trường; (iii) Phát triển và hợp tác với khu vực tư trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; (iv) Điều phối Dự án và chia sẻ tri thức.

➤ *Hợp phần 2: Phát triển chuỗi giá trị vì người nghèo.* Gồm 4 tiểu hợp phần (i) Xác định và xếp thứ tự ưu tiên cho các chuỗi giá trị vì người nghèo; (ii) Các dịch vụ khuyến nông và nghiên cứu kỹ thuật nhằm phát triển các chuỗi giá trị; (iii) Thúc đẩy các sáng kiến kinh doanh nông nghiệp vì người nghèo; (iv) Tăng cường tiếp cận các dịch vụ tài chính nông thôn.

➤ *Hợp phần 3: Xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH có sự tham gia theo định hướng thị trường.* Gồm 3 tiểu hợp phần (i) Xây dựng năng lực lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có sự tham gia theo định hướng thị trường; (ii) Thu hút người nghèo tham gia vào các chuỗi giá trị; (iii) Quỹ phát triển cộng đồng.

**6. Địa bàn thực hiện Dự án:** Tại 815 thôn, bản của 64 xã thuộc 6 huyện: Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn và Sơn Dương.

**7. Đối tượng hưởng lợi của Dự án:** Bao gồm 57.238 hộ, trong đó có 20.473 hộ nghèo (chiếm 35,8%); 41.908 hộ dân tộc thiểu số (chiếm 73,21%) trên địa bàn của 64 xã. Nhóm đối tượng ưu tiên đặc biệt của Dự án là nhóm dân tộc thiểu số, hộ phụ nữ đơn thân.

**8. Tổng vốn của dự án: 32.028.128 USD, trong đó:**

- Vốn IFAD là 15.870.000 SDR  $\approx$  24.214.129 USD  $\approx$  450,380 tỷ đồng.

- Vốn Chính phủ VN: 4.516.000 USD  $\approx$  84 tỷ đồng.

- Người hưởng lợi đóng góp: 3.298.000 USD  $\approx$  61,3 tỷ đồng.

**Các đơn vị thực thi chính:**

- Chủ trì hợp phần I: Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì hợp phần II: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì hợp phần III: UBND các huyện, giao cho các xã làm chủ đầu tư

**Các đơn vị đồng thực thi:** Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Thủy sản; Chi cục Thú y; Trung tâm Khuyến nông; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh và một số đơn vị tham gia thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật; Chi cục Lâm nghiệp; Chi cục Thủy lợi; Liên Minh Hợp tác xã; Sở Công Thương; Hội Doanh nghiệp trẻ.

## **II. Cơ sở xây dựng Kế hoạch chiến lược kết thúc Dự án TNSP**

Hiệp định tài trợ số 826-VN giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quỹ Phát triển nông nghiệp quốc tế ký ngày 25/02/2011.

Văn bản số 2422/TTg-QHQT ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý gia hạn Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

Quyết định số 287/QĐ-CTN ngày 31/01/2016 của Chủ tịch nước về gia hạn Hiệp định tài trợ Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tại các tỉnh Gia Lai, Ninh Thuận và Tuyên Quang.

Khuyến nghị của các đoàn giám sát, đánh giá của IFAD thực hiện tại Dự án các năm 2015 và 2016.

Các hoạt động của Dự án TNSP được xây dựng với sự gắn kết tối đa với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Vì vậy việc chuyển giao các hoạt động của Dự án cho các tổ chức cộng đồng ở địa phương tiếp tục thực hiện là rất cần thiết và quan trọng; xây dựng Kế hoạch Chiến lược kết thúc dự án làm cơ sở để giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh tiếp tục thực hiện và duy trì bền vững các thành quả và cách làm của Dự án.

## **III. Nội dung Kế hoạch chiến lược kết thúc dự án TNSP**

Dự án TNSP sẽ kết thúc hoạt động vào ngày 31/3/2017 và IFAD sẽ đóng vốn vào ngày 30/9/2017; để chuẩn bị kết thúc dự án và duy trì các kết quả của Dự án TNSP đã đạt được, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch chiến lược kết thúc dự án.

Các hoạt động của Dự án TNSP được xây dựng và thực hiện đảm bảo gắn kết tối đa với các chương trình, hoạt động có cùng mục tiêu của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức ở khu vực kinh tế tư nhân. Để các hoạt động dự án có thể thực hiện thành công và duy trì các thành quả đạt được phải cần có các tổ chức, cộng đồng địa phương đủ mạnh để thực hiện các hoạt động sau khi không còn hỗ trợ từ Dự án.

Kế hoạch Chiến lược kết thúc Dự án TNSP sẽ cụ thể hóa công việc của từng hợp phần, đề xuất các hoạt động tiếp tục duy trì, các đơn vị tiếp tục thực hiện, các

sản phẩm bàn giao, thời gian dự kiến bàn giao, nguồn lực cũng như giải pháp để đảm bảo tính bền vững của dự án, chi tiết như sau:

**Hợp phần 1: Tăng cường năng lực thể chế để thực hiện Nghị quyết Tam Nông**

**1.1. Thể chế hoá quy trình lập và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có sự tham gia dựa trên kết quả, theo định hướng thị trường**

<b>Hoạt động duy trì</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì hoạt động của Tổ công tác MOP-SEDP cấp tỉnh và 6 huyện, đây là lực lượng nòng cốt để tiếp tục áp dụng phương pháp lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội có sự tham gia theo định hướng thị trường hàng năm tại tất cả các xã trong tỉnh theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh.</li> <li>- Kế hoạch được xây dựng theo phương pháp MOP-SEDP sẽ là bản kế hoạch chung của xã và là cơ sở để tổng hợp kế hoạch của huyện và của tỉnh đảm bảo lồng ghép tất cả các nguồn vốn của các chương trình, dự án trên địa bàn.</li> </ul>
<b>Đơn vị thực hiện</b>	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, UBND các xã và các đơn vị liên quan.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	Sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp xã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh.
<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý II năm 2017.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Dự án TNSP sẽ bàn giao toàn bộ thông tin dữ liệu, quy trình, kết quả thực hiện, báo cáo đánh giá, liên quan đến các nội dung trên đây.
<b>Nguồn lực</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện lập kế hoạch cho các huyện và thành phố Tuyên Quang.</li> <li>- UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.</li> </ul>

**1.2. Phát triển và hợp tác với khu vực tư trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn**

<b>Hoạt động duy trì</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì hoạt động của Tổ công tác về cải thiện môi trường kinh doanh cấp tỉnh (PCI).</li> <li>- Các trang thiết bị, phần mềm quản lý kinh doanh để quản lý và theo dõi hoạt động của các tổ hợp tác, các doanh nghiệp tư nhân và cá nhân tại các huyện và hoạt động của bộ phận một cửa tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.</li> <li>- Hàng năm tổ chức diễn đàn thúc đẩy hợp tác công tư tại 6</li> </ul>
--------------------------	--

	huyện với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và tham gia các hội chợ trong và ngoài tỉnh.
<b>Đơn vị thực hiện</b>	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, UBND các huyện.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	Các trang thiết bị, phần mềm quản lý kinh doanh để quản lý và theo dõi hoạt động của các tổ hợp tác, các doanh nghiệp tư nhân và cá nhân tại các huyện.
<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý II năm 2017.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	Dự án TNSP và Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ bàn giao toàn bộ trang thiết bị, thông tin dữ liệu, kết quả thực hiện, báo cáo đánh giá, liên quan đến các nội dung trên.
<b>Nguồn lực</b>	- Sử dụng kinh phí chi thường xuyên hàng năm của đơn vị để thực hiện. - Các đơn vị thực thi Dự án TNSP, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện.

### 1.3. Quản lý dự án và chia sẻ tri thức

#### 1.3.1. Quản lý dự án

<b>Hoạt động duy trì</b>	Ban Điều phối Dự án TNSP chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện tham mưu UBND tỉnh đề xuất dự án mới sử dụng vốn IFAD và các chương trình khác cho tỉnh giai đoạn 2017-2022 trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan.
<b>Đơn vị thực hiện</b>	Ban Điều phối Dự án TNSP, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	Đề cương đề xuất Dự án mới sử dụng vốn IFAD và các Chương trình, dự án khác giai đoạn 2017-2022.
<b>Thời gian bàn giao</b>	Đề cương đề xuất dự án mới: Quý III năm 2016.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan phối hợp với Ban Điều phối Dự án TNSP thực hiện.
<b>Nguồn lực</b>	Dự án TNSP, UBND các huyện, UBND tỉnh.

### 1.3.2. Cán bộ thực hiện dự án

<p><b>Hoạt động duy trì</b></p>	<p>Ban Điều phối Dự án TNSP phối hợp với Sở Nội Vụ, các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch bố trí cán bộ của Ban Điều phối Dự án TNSP về công tác tại các cơ quan đơn vị (nếu không có dự án tiếp theo), cụ thể:</p> <p>+ Cán bộ lãnh đạo được UBND tỉnh bổ nhiệm (2 người): Sở Nội Vụ tham mưu cho Tỉnh ủy và UBND tỉnh bố trí sang những vị trí mới phù hợp với năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.</p> <p>+ Các trưởng, phó phòng (5 người): Sở Nội Vụ phối hợp với Ban Điều phối Dự án TNSP tham mưu cho UBND tỉnh bố trí về các cơ quan khác đảm bảo phù hợp, phát huy hiệu quả, năng lực và kinh nghiệm của cán bộ.</p> <p>+ Cán bộ công chức, viên chức (18 người): Sở Nội Vụ phối hợp với Ban Điều phối Dự án TNSP tham mưu cho UBND tỉnh bố trí về các cơ quan khác đảm bảo tính phù hợp, phát huy hiệu quả, năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ.</p> <p>- <i>DASU phối hợp với Phòng Nội Vụ đề xuất về việc sắp xếp, bố trí lại các cán bộ của DASU, cụ thể:</i></p> <p>+ Cán bộ lãnh đạo được UBND huyện bổ nhiệm (Phó ban DASU): Phòng Nội Vụ của huyện tham mưu cho Huyện ủy và UBND huyện bố trí sang những vị trí mới phù hợp với năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.</p> <p>+ Cán bộ công chức, viên chức (6 người/huyện):</p> <p>Phòng Nội Vụ phối hợp cùng DASU tham mưu cho UBND huyện bố trí về các phòng, ban của huyện và xem xét tuyển dụng đối với số cán bộ đang hợp đồng làm việc tại DASU đảm bảo tính phù hợp, phát huy hiệu quả, năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ.</p>
<p><b>Đơn vị thực hiện</b></p>	<p>UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Ban Điều phối Dự án TNSP, UBND các huyện, phòng Nội Vụ các huyện, DASU các huyện.</p>
<p><b>Các sản phẩm bàn giao</b></p>	<p>Các quyết định điều chuyển và hồ sơ cán bộ của Ban Điều phối Dự án TNSP và DASU các huyện.</p>
<p><b>Thời gian bàn giao</b></p>	<p>Quý III và IV năm 2017.</p>
<p><b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b></p>	<p>- Sở Nội vụ, phòng Nội vụ các huyện: Đánh giá đội ngũ cán bộ của Ban Điều phối Dự án TNSP, DASU tham mưu đề xuất với UBND tỉnh và UBND huyện về bố trí cán bộ.</p> <p>- Việc chuyển giao nhân sự có thể bắt đầu từ Quý III năm 2017 và dự kiến sẽ hoàn thành chuyển giao vào cuối năm 2017.</p>
<p><b>Nguồn lực</b></p>	<p>Sở Nội vụ, Dự án TNSP, UBND các huyện, UBND tỉnh.</p>

### 1.3.3. Cơ sở vật chất, Tài sản và các trang thiết bị

<b>Hoạt động duy trì</b>	<p>Ban Điều phối Dự án TNSP và DASU các huyện thực hiện kiểm kê và báo cáo hiện trạng của các tài sản dự án; đề xuất thanh lý hoặc bàn giao tài sản cho các cơ quan tiếp nhận tài sản thực hiện theo đúng Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước; Nghị Quyết số 07/2010/NQ-HĐND ngày 21/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVI, kỳ họp thứ 14, Nghị Quyết về việc phân cấp quản lý tài sản Nhà nước tại các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh.</p> <p><b>1. Đối với tài sản phục vụ công tác quản lý dự án:</b></p> <p><b><i>Phương tiện, trụ sở làm việc:</i></b> Ô tô 6 huyện dự án (06 xe), ô tô Văn phòng Ban Điều phối Dự án TNSP (04 xe), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 xe), Sở Kế hoạch và Đầu tư (01 xe), Trung tâm khuyến nông (văn phòng Trung tâm Khuyến nông tỉnh 01 xe, Trạm khuyến nông huyện Na Hang 01 xe, Trạm khuyến nông huyện Chiêm Hóa 01 xe). Trụ sở làm việc Ban Điều phối Dự án TNSP; DASU 06 huyện, Trạm Khuyến nông huyện Na Hang và trạm Khuyến nông huyện Chiêm Hóa. Các đơn vị thực hiện kiểm kê tài sản, lập báo cáo kiểm kê tài sản gửi Ban Điều phối Dự án TNSP tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.</p> <p><b><i>Các tài sản khác (máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác) của Ban Điều phối Dự án TNSP, DASU và các đơn vị thực thi dự án cấp tỉnh:</i></b> Thực hiện kiểm kê tài sản, đề xuất phương án xử lý tài sản, lập báo cáo kiểm kê tài sản gửi Ban Điều phối Dự án TNSP, Ban Điều phối Dự án TNSP tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.</p> <p><b><i>Các tài sản khác (máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác) của 64 xã dự án:</i></b> Ban phát triển các xã thực hiện kiểm kê, đề xuất phương án xử lý, lập báo cáo tài sản kiểm kê gửi DASU các huyện để tổng hợp, gửi Ban Điều phối Dự án TNSP. Ban Điều phối Dự án TNSP tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.</p> <p><b><i>Thời gian thực hiện:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thời điểm kiểm kê tài sản: 31/12/2016</li><li>- Thực hiện bàn giao, điều chuyển tài sản xong trước 31/12/2017.</li></ul>
--------------------------	--



	<p><b>2. Đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án:</b></p> <p><b>Bước 1:</b> Các đơn vị kiểm kê, lập báo cáo gửi Ban Điều phối Dự án TNSP:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đơn vị thực thi Dự án cấp tỉnh kiểm kê tài sản, lập báo cáo gửi Ban Điều phối Dự án TNSP.</li> <li>- Các doanh nghiệp nhận tài trợ từ Quỹ CBG kiểm kê, lập báo cáo gửi Ban Điều phối Dự án TNSP.</li> <li>- DASU kiểm kê tài sản tại các tổ nhóm nhận tài trợ từ Quỹ CSG, lập báo cáo gửi Ban Điều phối Dự án TNSP.</li> <li>- Ban phát triển các xã kiểm kê, lập báo cáo gửi DASU để DASU tổng hợp báo cáo toàn huyện và gửi Ban Điều phối Dự án TNSP.</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Ban Điều phối Dự án TNSP tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét Quyết định bàn giao tài sản cho các đơn vị, đối tượng thụ hưởng quản lý, sử dụng tài sản.</p> <p><b>Thời gian thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời điểm kiểm kê tài sản: 31/12/2016.</li> <li>- Thực hiện kiểm kê, báo cáo Ban Điều phối Dự án TNSP xong trước 30/4/2017.</li> <li>- Đối với tài sản phát sinh trong năm 2017: Thực hiện kiểm kê và báo cáo PCU xong trước ngày 30/6/2017.</li> </ul>
<b>Đơn vị thực hiện</b>	Ban Điều phối Dự án TNSP, DASU, các đơn vị thực thi, các đơn vị nhận tài trợ từ Dự án, Sở Tài chính, UBND các huyện và UBND tỉnh.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kiểm kê tài sản của Dự án, cơ sở vật chất và các trang thiết bị.</li> <li>- Báo cáo quyết toán của Dự án TNSP.</li> </ul>
<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý III-IV năm 2017.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	UBND Tỉnh quyết định về tài sản bàn giao và các cơ quan nhận bàn giao.
<b>Nguồn lực</b>	UBND tỉnh, Sở Tài chính, Dự án TNSP.

#### **1.3.4. Hệ thống kiểm soát và đánh giá (M&E), Quản lý và chia sẻ tri thức (KMO)**

<b>Hoạt động duy trì</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện, bổ sung Hệ thống M&amp;E của Dự án và chuyển giao cho Chương trình trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, các dự án khác trên địa bàn tỉnh, và dự án IFAD khác (nếu có).</li> <li>- Chuyển giao và duy trì công tác quản lý, giám sát dự án cho các sở, ngành, UBND các huyện và xã.</li> <li>- Phương pháp đào tạo cho cán bộ và nông dân theo phương pháp “con đường tri thức” vừa học vừa làm.</li> </ul>
--------------------------	--

<b>Đơn vị thực hiện</b>	Dự án TNSP, DASU và các đơn vị thực thi dự án.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống phần mềm và tài liệu hướng dẫn về Quản lý Kết quả và Tác động (RIMS); các chỉ số cấp 1, cấp 2 và cấp 3 của dự án.</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn về phương pháp “con đường tri thức”; quản lý tri thức và các báo cáo nghiên cứu, kết quả khảo sát, điều tra.</li> <li>- Bộ tài liệu hướng dẫn về kiểm soát và đánh giá (M&amp;E), quản lý dựa trên kết quả (RBM) của dự án TNSP.</li> <li>- Trang thông tin điện tử; hệ điều hành tác nghiệp.</li> <li>- Các bản tin.</li> </ul>
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Điều phối Dự án TNSP chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các DASU, cơ quan thực hiện chỉnh sửa và chuyển giao tài liệu phù hợp với nhiệm vụ theo dõi, giám sát của các cơ quan cấp tỉnh, huyện và xã.</li> <li>- Áp dụng hệ thống kiểm soát và đánh giá (M&amp;E), quản lý dựa trên kết quả (RBM) và hệ thống phần mềm và tài liệu hướng dẫn về Quản lý Kết quả và Tác động (RIMS) phù hợp với thực tiễn của các đơn vị và dự án khác trong tỉnh.</li> </ul>
<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý II và Quý III năm 2017.
<b>Nguồn lực</b>	Dự án TNSP, UBND các huyện và UBND tỉnh.

## Hợp phần 2: Phát triển chuỗi giá trị vì người nghèo

### 2.1- Phân loại ưu tiên chuỗi giá trị vì người nghèo

<b>Hoạt động duy trì</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố và duy trì hoạt động của Tổ công tác chuỗi giá trị cấp tỉnh đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- Tổ công tác chuỗi giá trị sẽ thực hiện đánh giá, phân tích hiệu quả đối với 08 chuỗi giá trị vì người nghèo đang thực hiện (keo, lạc, dong riềng, chè, trâu, lợn, cam và cá đặc sản), sử dụng kết quả điều tra, phân tích, xác định cơ hội thị trường của Dự án VIE/035 đối với 8 chuỗi giá trị để xây dựng kế hoạch phát triển các chuỗi giá trị theo hướng sản xuất hàng hóa, định hướng thị trường giai đoạn 2016-2020 trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.</li> <li>- Chuyển giao các tổ hợp tác đang thực hiện các chuỗi giá trị cho Hội Nông dân chủ trì phối hợp với UBND các huyện quản lý, duy trì hoạt động.</li> </ul>
--------------------------	--

<b>Đơn vị thực hiện</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị thực hiện chuỗi giá trị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> <li>- Hội Nông dân chủ trì phối hợp với UBND các huyện và UBND các xã.</li> <li>- Phòng Nông nghiệp các huyện, Hội Nông dân các huyện.</li> </ul>
<b>Sản phẩm bàn giao</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ sở vật chất đã đầu tư để phát triển các chuỗi giá trị.</li> <li>- Danh sách các tổ hợp tác, các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh thực hiện chuỗi giá trị.</li> </ul>
<b>Thời gian bàn giao</b>	- Quý II và Quý III năm 2017.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng phương án cùng cố tổ công tác chuỗi giá trị trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.</li> <li>- Sử dụng nguồn vốn của tỉnh hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa và đưa các sản phẩm tham gia hội chợ trong và ngoài tỉnh để quảng bá, giới thiệu sản phẩm tới người tiêu dùng và các siêu thị.</li> <li>- Các cấp, các ngành tiếp tục chỉ đạo lồng ghép với các chương trình phát triển nông nghiệp của địa phương để nhân rộng kết quả các mô hình thành công và phù hợp với địa phương.</li> </ul>
<b>Nguồn lực</b>	Ngân sách của tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các đơn vị thực hiện chuỗi giá trị, UBND các huyện, phòng Nông nghiệp các huyện.

## 2.2. Dịch vụ khuyến nông và nghiên cứu kỹ thuật phục vụ phát triển chuỗi giá trị

<b>Hoạt động duy trì</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp tập huấn trên hiện trường (FFS), phương pháp chuyển giao khoa học kỹ thuật sử dụng giống mới, kỹ thuật mới đến người nông dân; đào tạo cho nông dân và cán bộ khuyến nông theo phương pháp “con đường tri thức” vừa học vừa làm;</li> <li>- Phương pháp tập huấn “doanh nghiệp dạy nông dân” và “nông dân dạy nông dân”.</li> <li>- Mô hình trình diễn được đánh giá thành công: Máy chế biến thức ăn đa năng; sản xuất chè theo hướng VIETGAP; sản xuất lạc giống; xây dựng điểm an toàn dịch bệnh...</li> </ul>
<b>Đơn vị thực hiện</b>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi-Thú y, Trung tâm Khuyến nông tỉnh, UBND các huyện, Phòng Nông nghiệp huyện, Trạm khuyến nông; Trạm Chăn nuôi-Thú y các huyện.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo đánh giá tổng kết các mô hình.</li> <li>- Quy trình thực hiện các mô hình được đánh giá là thành công.</li> <li>- Tài liệu đúc kết kinh nghiệm từ các mô hình thành công.</li> </ul>

<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý I và Quý II năm 2017.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	Các cấp, các ngành tiếp tục chỉ đạo lồng ghép với các chương trình phát triển nông nghiệp của địa phương để nhân rộng kết quả các mô hình phù hợp với địa phương.
<b>Nguồn lực</b>	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Chi cục Chăn nuôi - Thú y; Trung tâm Khuyến nông tỉnh. - UBND các huyện; Phòng Nông nghiệp huyện; Trạm Chăn nuôi-Thú y; Trạm Khuyến nông huyện.

### **2.3. Thúc đẩy các sáng kiến kinh doanh nông nghiệp vì người nghèo**

<b>Hoạt động duy trì</b>	- Chuyển giao cho Hội Nông dân tỉnh tiếp tục quản lý, duy trì hoạt động các tổ/nhóm hợp tác sử dụng Quỹ tài trợ tiểu dự án cạnh tranh (CSG) nhằm phát huy hiệu quả nguồn vốn do Dự án đã cấp cho các tổ/nhóm hợp tác, sử dụng nguồn vốn quay vòng để cho các thành viên trong tổ/nhóm hợp tác vay phát triển sản xuất. - Chuyển giao cho Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh quản lý, duy trì, hoạt động của các doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh nhận tài trợ từ Quỹ tài trợ cạnh tranh doanh nghiệp (CBG). Đối với nguồn vốn quay vòng do dự án TNSP tài trợ các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh tiếp tục sử dụng cho nông dân vay không lãi để phát triển sản xuất và được bảo tồn trong quá trình sản xuất kinh doanh của các đơn vị thực hiện Quỹ CBG.
<b>Đơn vị thực hiện</b>	Hội Nông dân tỉnh, huyện, Các tổ/nhóm hợp tác, Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh, các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh nhận tài trợ từ Quỹ tài trợ cạnh tranh doanh nghiệp (CBG).
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	- Danh sách các tổ hợp tác, các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh đã được Dự án hỗ trợ. - Các báo cáo đánh giá tổ hợp tác; báo cáo đánh giá tổng kết của các đơn vị nhận Quỹ CBG. - Các tài liệu đúc kết kinh nghiệm từ các mô hình thành công từ Quỹ CSG, Quỹ CBG.
<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý I và Quý II năm 2017.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	Các cấp, các ngành tiếp tục chỉ đạo lồng ghép với các chương trình phát triển nông nghiệp của địa phương, chương trình hoạt động của đơn vị để thực hiện.
<b>Nguồn lực</b>	Các tổ hợp tác, các doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ kinh doanh đã được Dự án hỗ trợ

#### 2.4. Tăng cường tiếp cận các dịch vụ tài chính nông thôn

<b>Hoạt động duy trì</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục quản lý, theo dõi và giải ngân đối với các nhóm TK-VV đã được Dự án TNSP và Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển thành lập, đào tạo và nâng cao năng lực.</li> <li>- Tiếp tục sử dụng Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển (WDF) cho các thành viên của các tổ TK-TD tại các xã vay vốn.</li> </ul>
<b>Đơn vị thực hiện</b>	Hội Liên hiệp Phụ nữ, Quỹ WDF.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sổ tay hướng dẫn thực hiện Quỹ WDF và nhóm TK-VV.</li> <li>- Danh sách các nhóm TK-VV và các nhóm thực hiện Quỹ WDF tại các nhóm.</li> </ul>
<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý II và Quý III năm 2017.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng kinh phí từ ngân sách tỉnh để chi trả lương, chi thường xuyên cho thành viên Ban quản lý quỹ WDF từ quý II đến hết tháng 12/2017.</li> <li>- Hội phụ nữ, Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển phối hợp với UBND các xã hỗ trợ các nhóm xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.</li> <li>- Các nhóm TK-VV cần được đánh giá trước khi giải ngân nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo toàn vốn vay.</li> </ul>
<b>Nguồn lực</b>	Hội phụ nữ, Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển, và vốn quay vòng tại các nhóm.

#### Hợp phần 3: Xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có sự tham gia theo định hướng thị trường

##### 3.1. Xây dựng năng lực lập Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội có sự tham gia theo định hướng thị trường

<b>Hoạt động duy trì</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục duy trì phương pháp lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp xã hàng năm.</li> <li>- Áp dụng phương pháp lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp xã vào giảng dạy trong Trường Chính trị của tỉnh, coi đây là một môn học để giảng cho các học viên học tại trường.</li> </ul>
<b>Đơn vị thực hiện</b>	Sở kế hoạch và đầu tư, UBND các huyện, Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	Sổ tay hướng dẫn thực hiện lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cấp xã ban hành theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh.
<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý II năm 2017.

<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với UBND các huyện, thành phố Tuyên Quang tiếp tục duy trì thực hiện tại tất cả các xã, phường, thị trấn.</li> <li>- Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện coi đây là một môn học để giảng cho các học viên học tại trường.</li> <li>- UBND tỉnh tiếp tục bố trí kinh phí cho các huyện và thành phố Tuyên Quang để thực hiện.</li> </ul>
<b>Nguồn lực đầu tư</b>	UBND Tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND huyện, thành phố.

### 3.2. Thu hút người nghèo tham gia vào các chuỗi giá trị.

<b>Hoạt động duy trì</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bàn giao cho Hội Nông dân tỉnh để phối hợp với các xã tiếp tục củng cố, duy trì hoạt động của 537 tổ hợp tác đang hoạt động tại các xã dự án.</li> <li>- Hướng dẫn cho các tổ hợp tác về lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý, duy trì hoạt động tổ hợp tác theo phương pháp “nông dân dạy nông dân” và phương pháp “con đường tri thức” để nhân rộng mô hình liên kết với các doanh nghiệp ra các tổ hợp tác khác có cùng nội dung hoạt động.</li> </ul>
<b>Đơn vị thực hiện</b>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân tỉnh, UBND các huyện, UBND các xã, các tổ hợp tác.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ sở vật chất đã đầu tư cho các tổ hợp tác và thành viên tổ hợp tác từ Quỹ CDF và Quỹ CSG.</li> <li>- Danh sách các tổ hợp tác và thành viên tổ hợp tác.</li> <li>- Các báo cáo đánh giá phân loại tổ hợp tác.</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn thành lập, hoạt động của tổ hợp tác.</li> </ul>
<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý I và Quý II năm 2017.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội Nông dân tỉnh thực hiện đánh giá phân loại chất lượng hoạt động của các tổ hợp tác để xây dựng phương án củng cố phù hợp.</li> <li>- Hội Nông dân tỉnh trình UBND tỉnh về phương pháp “nông dân dạy nông dân” để UBND xem xét quyết định áp dụng thực hiện.</li> <li>- Các cấp, các ngành tiếp tục chỉ đạo lồng ghép hoạt động của chương trình phát triển nông nghiệp của địa phương, các dự án khác gắn với hoạt động của tổ hợp tác.</li> </ul>
<b>Nguồn lực</b>	Hội Nông dân tỉnh, UBND các huyện, các tổ hợp tác, các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh.

### 3.3. Quỹ phát triển cộng đồng

<b>Hoạt động duy trì</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chuyển giao các công trình hạ tầng công cho Ban Phát triển xã, Ban Phát triển thôn bản và nhóm quản lý bảo dưỡng công trình tiếp tục quản lý, vận hành.</li><li>- Duy trì hoạt động của các nhóm sử dụng, quản lý, bảo dưỡng vận hành công trình để phát huy tác dụng phục vụ cộng đồng một cách bền vững.</li></ul>
<b>Đơn vị thực hiện</b>	UBND các huyện, UBND các xã dự án và Ban Phát triển thôn bản, các nhóm sử dụng, quản lý, bảo dưỡng vận hành công trình.
<b>Các sản phẩm bàn giao</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sổ tay hướng dẫn thực hiện Quỹ CDF.</li><li>- Tài liệu hướng dẫn thực hiện duy tu, bảo dưỡng và vận hành công trình sau đầu tư.</li><li>- Danh mục các công trình và hồ sơ thi công các công trình sử dụng vốn CDF cấp xã.</li></ul>
<b>Thời gian bàn giao</b>	Quý I và Quý II năm 2017.
<b>Giải pháp đảm bảo tính bền vững</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- UBND các xã giao cho các thôn, nhóm bảo quản, duy tu, bảo dưỡng công trình.</li><li>- UBND các huyện; UBND các xã bố trí kinh phí để tập huấn cho các nhóm sử dụng, quản lý công trình.</li></ul>
<b>Nguồn lực</b>	UBND các huyện; UBND các xã.

**PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾT THÚC DỰ ÁN**

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chịu trách nhiệm chính	Đơn vị phối hợp thực hiện/ tham gia	Thời gian thực hiện
1	Thẻ chế hóa các tài liệu hướng dẫn, duy trì các kết quả và hoạt động do dự án đầu tư, sau khi dự án kết thúc:			
1.1	Thẻ chế hóa Sổ tay hướng dẫn cung cấp dịch vụ kỹ thuật theo phương pháp “nông dân dạy nông dân”	Hội Nông dân tỉnh	PCU, các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2016- Quý I/2017
1.2	Tài liệu hóa Quy trình hướng dẫn Quản lý, vận hành, khai thác, duy tu bảo dưỡng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng	PCU	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2016- Quý I/2017
1.3	Tài liệu hóa các kết quả thực hiện thành công của dự án	PCU	Các đơn vị thực thi, DASU các huyện	Quý IV/2016- Quý I/2017
2	Xây dựng Báo cáo kết thúc dự án gửi IFAD và UBND tỉnh	Đơn vị tư vấn	PCU; DASU các huyện, các đơn vị thực thi,	Xong trước ngày 30/4/2017
3	Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán, kiểm kê, bàn giao tài sản, tài liệu...	PCU	DASU; đơn vị thực thi, các sở, ban, ngành liên quan	Từ 31/3/2017 đến 31/12/2017
4	Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả thực hiện dự án tại cấp huyện	UBND các huyện; DASU	PCU; Các đơn vị thực thi, các Ban Phát triển xã	Quý II/2017
5	Tổng kết đánh giá kết thúc dự án cấp tỉnh	UBND tỉnh; PCU	UBND các huyện; các đơn vị thực thi	Quý III/2017
6	Hoàn thành công tác bố trí cán bộ của PCU và DASU các huyện về các cơ quan, đơn vị trong tỉnh và các huyện	UBND tỉnh, UBND các huyện.	Tham mưu, đề xuất: Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ các huyện phối hợp cùng PCU và DASU. Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan	Từ 30/6/2017 – 31/12/2017